

TRỢ CẤP HƯU TRÍ XÃ HỘI VÀ CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ TRONG DỰ THẢO LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI (SỬA ĐỔI), XÉT DƯỚI GÓC ĐỘ BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI

TS. Khuất Thị Thu Hiền
Trường Đại học Lao động - Xã hội
hienkt2000@yahoo.com.vn

Tóm tắt: Để bảo đảm an sinh xã hội của người dân, mở rộng, gia tăng quyền, lợi ích, tạo sự hấp dẫn để thu hút người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo đảm tốt nhất quyền lợi cho người lao động đang làm việc và người hưởng lương hưu, Nhà nước ta đang tiến hành sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Nhằm cụ thể hóa mục tiêu được đề ra trong Nghị quyết số 28-NQ/TW về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội: “Giai đoạn đến năm 2025: Phần đầu có khoảng 55% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; Giai đoạn đến năm 2030: Phần đầu khoảng 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội”, Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) có nhiều sửa đổi, bổ sung về chế độ hưu trí và trợ cấp hưu trí xã hội. Bài viết đánh giá một số quy định về trợ cấp hưu trí xã hội và chế độ hưu trí trong Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), xét dưới góc độ bảo đảm bình đẳng giới. Từ đó, tác giả đề xuất ý kiến góp ý hoàn thiện Dự thảo Luật về vấn đề này.

Từ khóa: bảo hiểm xã hội, bình đẳng giới, chế độ hưu trí, trợ cấp hưu trí xã hội.

SOCIAL PENSION BENEFITS AND RETIREMENT REGIME IN THE DRAFT OF REVISED LAW ON SOCIAL INSURANCE, FROM THE PERSPECTIVE OF ENSURING GENDER EQUALITY

Abstract: To ensure the social security of the population, enhance rights and benefits, and create incentives to encourage employee participation in social insurance, and ultimately safeguard the interests of workers and retirees, the State is revising the Social Insurance Law 2014. The amendments to the Draft of revised Law on Social Insurance aim to achieve the targets outlined in Resolution No. 28-NQ/TW on social insurance policy reform: by 2025, approximately 55% of retirees are expected to receive pensions, monthly social insurance, and social pension allowances, and by 2030, this figure is projected to increase to around 60%. The amended version of the draft of revised Law on Social Insurance introduces numerous changes and additions to the retirement regimes and social pension benefits. This article examines various provisions related to social pension benefits and retirement regimes in the amended draft law, from the perspective of ensuring gender equality. Based on this analysis, the author puts forward suggestions to enhance the completeness of the draft law in addressing these matters.

Keywords: social insurance, gender equality, retirement regime, social pension benefits.

Mã bài báo: JHS - 187
Ngày nhận bài sửa: 27/03/2024

Ngày nhận bài: 05/03/2024 Ngày nhận phản biện: 18/03/2024
Ngày duyệt đăng: 20/04/2024

1. Giới thiệu

Bảo hiểm xã hội là chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta, được ghi nhận trong các văn kiện của Đảng và Hiến pháp. Điều 34 Hiến pháp 2013 khẳng định: “*Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội*”. Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội (Nghị quyết số 28-NQ/TW), với mục tiêu: “*Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội để bảo hiểm xã hội thực sự là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, từng bước mở rộng vững chắc diện bao phủ bảo hiểm xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại và hội nhập quốc tế theo nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển hệ thống thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, tin cậy và minh bạch*”. Nghị quyết số 28-NQ/TW cũng đã đề ra 11 nội dung cải cách; 05 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, trong đó xác định nhiệm vụ: “*Hoàn thiện hệ thống pháp luật về lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội*”.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp liên quan trực tiếp đến việc hoàn thiện chính sách, pháp luật về an sinh xã hội, trong đó có chính sách bảo hiểm xã hội, như: “*Cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng, chia sẻ - bền vững*” (tập I, trang 150, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật); “*Hoàn thiện hệ thống luật pháp về bảo hiểm xã hội, tiến tới thực hiện bảo hiểm xã hội toàn dân. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng hiện đại, hội nhập quốc tế; kết hợp hài hòa nguyên tắc đóng góp và thụ hưởng; công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. Tiếp tục hiện đại hóa quản lý bảo hiểm xã hội theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả. Phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 60% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội*” (tập I, trang 270, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật).

Để hoàn thiện chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, Nhà nước ta đang tiến hành sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Việc xây dựng dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) đã được đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh theo Nghị quyết số 50/2022/QH15 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Các công trình nghiên cứu liên quan

Nghiên cứu về trợ cấp hưu trí xã hội và chế độ hưu trí trong Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) đã được nhiều người quan tâm theo dõi, góp ý, trong đó có một số nghiên cứu sau:

Bài viết “*Một số ý kiến về quy định chế độ trợ cấp hưu trí xã hội trong Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)*” (trang, 2024). Trong bài viết này, tác giả phân tích cơ sở khoa học cho việc quy định chế độ trợ cấp hưu trí xã hội trong Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội, đánh giá quy định của Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội về nội dung chế độ trợ cấp hưu trí xã hội. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị sửa đổi quy định về chế độ trợ cấp hưu trí xã hội trong Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội. Theo tác giả bài viết, trong quá trình xây dựng, lấy ý kiến, đã cho thấy Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội còn tồn tại một số vấn đề bất hợp lý về các nội dung, như: định nghĩa trợ cấp hưu trí xã hội, mức hưởng và các chế độ hưởng trợ cấp hưu trí xã hội... Vì vậy, cần thực hiện sửa đổi, bổ sung các quy định này để khi ban hành, Luật Bảo hiểm xã hội mới thực sự đi vào cuộc sống, dễ áp dụng và thực hiện từ đó nâng cao chất lượng sống của các tầng lớp nhân dân trong xã hội, đặc biệt là người cao tuổi.

Bài viết “*Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chế độ hưu trí ở Việt Nam hiện nay*” (Thúy, 2024). Theo tác giả bài viết, trong các chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí giữ vai trò quan trọng đảm bảo an sinh xã hội lâu dài cho người lao động khi hết tuổi lao động. Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện, một số quy định về chế độ hưu trí trong Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 đã bộc lộ những điểm vướng mắc cũng như những tồn tại trong quá trình tổ chức, thực hiện. Với mục đích đề xuất một số kiến nghị sửa đổi chế độ hưu trí trong Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành, bài viết này nêu ý kiến về những điểm tồn tại trong chế độ hưu trí và một số kiến nghị sửa đổi quy định pháp luật về chế độ hưu trí.

Bài viết “*Hoàn thiện một số quy định của Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)*” (Nga, 2024). Tác giả bài viết cho rằng, Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) đã có một bước tiến đáng kể xét trên nhiều bình diện, nhằm bảo đảm quyền, lợi ích của đông đảo người lao động, đảm bảo an sinh xã hội và hội nhập quốc tế. Trên cơ sở nghiên cứu dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), tác giả đưa ra một số góp ý hoàn thiện quy định cụ thể của dự thảo về đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, về các hành vi bị cấm, về trợ cấp hưu trí

xã hội, về xử lý vi phạm về chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, về rút bảo hiểm xã hội một lần.

Các nghiên cứu trên đã đưa ra ý kiến góp ý hoàn thiện một số quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, trong đó có trợ cấp hưu trí xã hội và chế độ hưu trí. Tác giả đã kế thừa các đóng góp của các nghiên cứu trước kia để từ đó đưa ra ý kiến góp ý của mình đối với quy định về trợ cấp hưu trí xã hội và chế độ hưu trí trong Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), xét dưới góc độ bảo đảm bình đẳng giới.

2.2. Cơ sở lý luận

Trợ cấp hưu trí xã hội là một trong các nội dung cải cách chính sách bảo hiểm xã hội được đề ra trong Nghị quyết số 28-NQ/TW. Trợ cấp hưu trí xã hội là khoản trợ cấp do ngân sách nhà nước đảm bảo cho người cao tuổi. Theo đó, ngân sách nhà nước cung cấp một khoản trợ cấp cho người cao tuổi không có lương hưu hoặc bảo hiểm xã hội hằng tháng. Trợ cấp hưu trí xã hội được bổ sung vào Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) trên cơ sở kế thừa và phát triển quy định hiện hành về trợ giúp người cao tuổi nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 28-NQ/TW, cụ thể hóa quy định về bảo đảm an sinh xã hội của Hiến pháp. Điều này phù hợp với Công ước số 102 của Tổ chức Lao động quốc tế về quy phạm tối thiểu về an toàn xã hội, năm 1952. Đây cũng là xu hướng chung của nhiều quốc gia trên thế giới về bảo hiểm xã hội đa tầng.

Trợ cấp hưu trí xã hội cùng với bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm hưu trí bổ sung hình thành hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng trong một văn bản luật, hướng đến mở rộng diện bao phủ đối tượng hưởng các chế độ hưu trí đa dạng, không chỉ dựa trên cơ sở đóng góp mà còn dựa trên sự hỗ trợ của Nhà nước nhằm bảo đảm an sinh xã hội trên diện rộng.

Chế độ hưu trí là một trong những chế độ bảo hiểm xã hội nhằm đảm bảo thu nhập cho người lao động đã hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật mà trước đó họ đã có đủ thời gian tham gia bảo hiểm xã hội. Chế độ hưu trí là cốt lõi của chính sách bảo hiểm xã hội, là chế độ quan trọng của hệ thống các chế độ bảo hiểm xã hội, góp phần đảm bảo an sinh xã hội lâu dài cho người lao động khi hết tuổi lao động. Đây là quyền lợi hợp pháp của người lao động sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ lao động mà có đủ điều kiện được hưởng.

Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó. Bình đẳng giới luôn được Nhà nước

Việt Nam quan tâm, triển khai trong các chính sách quan trọng nhằm tiến tới xóa bỏ sự phân biệt đối xử về giới, tạo ra cơ hội và phát triển bình đẳng cho cả nam và nữ trong lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Trợ cấp hưu trí xã hội và chế độ hưu trí có ảnh hưởng rất lớn đến các nhóm dân số khác nhau với tư cách là những người tham gia và thụ hưởng bảo hiểm xã hội, đặc biệt là nữ. Với đặc điểm là quốc gia mà việc làm ở khu vực phi chính thức chiếm tỷ trọng lớn, khu vực việc làm chính thức là nơi được đảm bảo tốt hơn rất nhiều về các chế độ bảo hiểm xã hội nhưng nữ tham gia lực lượng lao động ở khu vực này lại thấp hơn nam, nữ có tuổi thọ cao hơn nam khi chiếm đa số trong số những người cao tuổi... thì Việt Nam cần đặc biệt quan tâm đến vấn đề giới trong các chính sách của mình, trong đó có chính sách bảo hiểm xã hội.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính. Trong đó, bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp và phương pháp nghiên cứu tài liệu thông qua tập hợp các văn bản, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo hiểm xã hội. Đồng thời, bài viết sử dụng các báo cáo về việc thực hiện bảo hiểm xã hội, số liệu thống kê tình hình thực hiện bảo hiểm xã hội... của các cơ quan có liên quan.

4. Kết quả và thảo luận

Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 hiện hành được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2014, thay thế Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Qua thời gian thi hành, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 đã đi vào cuộc sống, khẳng định tính đúng đắn của chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội theo nguyên tắc đóng - hưởng, đáp ứng nguyện vọng của đông đảo người lao động, bảo đảm an sinh xã hội và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, quá trình thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 cũng bộc lộ những tồn tại, hạn chế, bất cập như: (i) diện bao phủ đối tượng tham gia và thụ hưởng bảo hiểm xã hội trên thực tế còn thấp so với tiềm năng; (ii) tính tuân thủ pháp luật về bảo hiểm xã hội còn chưa cao, vẫn còn tình trạng chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội ở nhiều địa phương, doanh nghiệp; (iii) chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện chưa thật sự hấp dẫn người dân tham gia; (iv) một số quy định không còn phù hợp với bối cảnh, điều kiện thực tiễn hiện nay... Vì vậy, việc sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Luật Bảo hiểm xã hội lần này sẽ được sửa đổi căn bản, toàn diện nhằm mục tiêu: (i) Bảo đảm an sinh xã hội của người dân dựa trên quyền con người theo quy định của Hiến pháp và thể chế hóa các nội dung trong Nghị quyết số 28-NQ/TW theo hướng đa dạng, linh hoạt, đa tầng hiện đại, hội nhập quốc tế, tiến tới bao phủ bảo hiểm xã hội toàn bộ lực lượng lao động; (ii) Sửa đổi căn bản các vướng mắc, bất cập từ thực tiễn thi hành Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và Nghị quyết số 93/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội về việc thực hiện chính sách hưởng bảo hiểm xã hội một lần đối với người lao động; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất, có tính khả thi, phù hợp tiêu chuẩn quốc tế và bảo đảm yếu tố bình đẳng giới; (iii) Mở rộng, gia tăng quyền, lợi ích, tạo sự hấp dẫn để thu hút người lao động tham gia bảo hiểm xã hội; đồng thời, bảo đảm tốt nhất quyền lợi cho người lao động đang làm việc và người hưởng lương hưu. Hoàn thiện quy định quản lý nhà nước và hệ thống tổ chức thực hiện chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả, công khai, minh bạch.

Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) được xây dựng trên cơ sở kế thừa kết cấu của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, trong đó có bổ sung 02 nội dung mới (trợ cấp hưu trí xã hội và Quản lý thu, đóng bảo hiểm xã hội), bỏ mục chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (đã được quy định tại Luật An toàn, vệ sinh lao động); tách riêng điều quy định về đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, không quy định chung trong điều về đối tượng áp dụng; gộp các điều liên quan đến quyền, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong một chương; không quy định chương riêng về trình tự, thủ tục bảo hiểm xã hội mà lồng ghép vào từng chế độ.

4.1. Về trợ cấp hưu trí xã hội

Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) dành một chương quy định về trợ cấp hưu trí xã hội (Chương III, gồm các điều từ Điều 27 đến Điều 31), trong đó quy định về đối tượng áp dụng và điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội như sau:

Đối tượng áp dụng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Điều 27 Dự thảo Luật là: “*Công dân Việt Nam đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật*”

Điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Dự thảo Luật là: “*a) Đủ 75 tuổi trở lên; b) Không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng khác theo quy định của Chính phủ*”.

Xét dưới góc độ giới, quy định trên của Dự thảo Luật sẽ giới hạn số người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, trong đó tỷ lệ lớn là nữ. Bởi lẽ:

Theo “*Tổng Điều tra dân số năm 2019: Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam*” do Tổng cục Thống

kê thực hiện, dân số cao tuổi ở Việt Nam năm 2019 là 11,41 triệu, tương ứng với 11,86% tổng dân số. Trong số người cao tuổi tăng thêm, nhóm người cao tuổi (từ 60 tuổi - 69 tuổi) có tốc độ tăng cao nhất, tiếp đó là nhóm người cao tuổi (từ 80 tuổi trở lên). Điều đó có nghĩa, nhóm người cao tuổi (từ 60 tuổi - 69 tuổi) sẽ là nhóm đồng nhất có nhu cầu về trợ cấp hưu trí xã hội nhưng họ lại không đủ điều kiện về độ tuổi để được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, nếu chưa từng tham gia bảo hiểm xã hội.

Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong “*Tờ trình Dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)*”, tính đến cuối 2022, Việt Nam có khoảng 14,4 triệu người sau độ tuổi nghỉ hưu (từ 55 tuổi trở lên đối với nữ; từ 60 tuổi trở lên đối với nam). Tổng số người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp hưu trí xã hội là hơn 5,1 triệu người chiếm khoảng 35% tổng số người sau độ tuổi nghỉ hưu. Trung ương xác định đến năm 2030 phần đầu khoảng 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội.

Theo đánh giá của Tổ chức Lao động quốc tế (2021), nhu cầu về trợ cấp hưu trí xã hội đối với nữ là tương đối cao và cao hơn nam. Năm 2019, ở Việt Nam chỉ 31,3% phụ nữ và 22,1% nam giới tham gia bảo hiểm xã hội. Tỷ lệ hưởng lương hưu ở người từ 65 tuổi trở lên chỉ 16% đối với nữ và 27,3% đối với nam.

Như vậy, vẫn còn khoảng cách giới trong diện bao phủ bảo hiểm xã hội ở Việt Nam, còn tỷ lệ lớn phụ nữ trong độ tuổi hưu trí không được bảo vệ bởi các chính sách bảo hiểm xã hội. Chính vì vậy, quy định trên trong Dự thảo Luật cần được xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn. Cần nghiên cứu giảm độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hoặc quy định lộ trình giảm độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

4.2. Về chế độ hưu trí

4.2.1. Về tuổi nghỉ hưu

Điều 71 Dự thảo Luật quy định về điều kiện hưởng lương hưu:

“*1. Người lao động quy định tại các điểm a, b, c, e, g, h, i, k, l, m khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Luật này, khi nghỉ việc có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm trở lên thì được hưởng lương hưu nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

a) *Đủ 61 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 56 tuổi 08 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam cho đến khi đủ 62 tuổi vào năm 2028 và cứ mỗi năm tăng thêm 04 tháng đối với lao động nữ cho đến khi đủ 60 tuổi vào năm 2035;*

b) *Người lao động có tuổi thấp hơn tối đa 05 tuổi so với tuổi quy định tại điểm a khoản này và có tổng thời gian*

đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm trở lên khi làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01 tháng 01 năm 2021;

c) Người lao động có tuổi thấp hơn tối đa 10 tuổi so với tuổi quy định tại điểm a khoản này và có đủ 15 năm làm công việc khai thác than trong hầm lò theo quy định của Chính phủ;

d) Người bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Người lao động quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 3 của Luật này nghỉ việc có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm trở lên được hưởng lương hưu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có tuổi thấp hơn tối đa 05 tuổi so với tuổi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, trừ trường hợp Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân, Luật Cơ yếu, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng có quy định khác;

b) Có tuổi thấp hơn tối đa 10 tuổi so với tuổi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và có tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm trở lên khi làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01 tháng 01 năm 2021;

c) Người bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Điều kiện về tuổi hưởng lương hưu đối với một số trường hợp đặc biệt theo quy định của Chính phủ”.

Dự thảo Luật cần quy định cụ thể hơn về tuổi nghỉ hưu của người lao động, đảm bảo hợp lý hơn về khoảng cách tuổi giữa nam và nữ. Bởi lẽ:

Tăng tuổi nghỉ hưu là xu thế ở nhiều nước trên thế giới, là nhu cầu hết sức cần thiết của Việt Nam hiện nay. Nghị quyết số 28-NQ/TW về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội đề ra: “Từ năm 2021, thực hiện điều chỉnh tuổi nghỉ hưu theo mục tiêu tăng tuổi nghỉ hưu chung, thu hẹp dần khoảng cách về giới trong quy định tuổi nghỉ hưu; đối với những ngành nghề đặc biệt, người lao động được quyền nghỉ hưu sớm, hoặc muộn hơn 5 tuổi so với tuổi nghỉ hưu chung”. Vì vậy, cần quy định cụ thể hơn về tuổi nghỉ hưu và mức lương.

Thứ nhất, cần có quy định tuổi nghỉ hưu cho các nhóm đối tượng phù hợp với đặc thù nghề nghiệp. Cụ thể:

Nhóm 1: Người lao động nghỉ hưu trong điều kiện bình thường. Đây là nhóm người lao động làm công việc trong điều kiện lao động bình thường, họ chiếm số lượng lớn trong lực lượng lao động. Tuổi nghỉ hưu của nhóm đối tượng này theo quy định chung, nữ là 60 và nam là 62. Tuổi nghỉ hưu và điều kiện nghỉ hưu của nhóm này quy định trong Luật.

Nhóm 2: Người lao động được nghỉ hưu sớm hơn. Đây là nhóm người lao động làm công việc mà tính chất công việc, môi trường làm việc hoặc điều kiện làm việc có tính đặc biệt như công việc công việc cần có sự sáng tạo, nhanh nhẹn, dẻo dai; công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm việc ở nơi khó khăn, xa xôi... Đối với nhóm này, pháp luật cần quy định cho họ có quyền được nghỉ hưu sớm hơn không quá 5 tuổi so với nhóm 1. Tuổi nghỉ hưu của nhóm này quy định trong Luật. Còn điều kiện nghỉ hưu và các ngành nghề, công việc, nơi làm việc thuộc nhóm này nên quy định trong văn bản dưới luật, ví dụ: diễn viên múa, vận động viên thể thao, giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, lao động trong hầm mỏ, lao động làm việc ở vùng sâu, ngoài đảo xa...

Nhóm 3: Người lao động được nghỉ hưu muộn hơn. Đây là nhóm người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao cần khuyến khích họ cống hiến cho đất nước. Đối với nhóm này, pháp luật cần quy định cho họ có quyền được nghỉ hưu muộn hơn không quá 5 tuổi so với nhóm 1. Tuổi nghỉ hưu của nhóm này quy định trong Luật. Còn các đối tượng lao động thuộc nhóm này nên quy định trong văn bản dưới luật, ví dụ: như chuyên gia, nhà khoa học, nhà chuyên môn...

Cần lưu ý rằng người lao động thuộc nhóm 3 “có quyền nghỉ hưu muộn”. Điều đó có nghĩa, khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Luật, nếu người lao động có đủ sức khỏe để làm việc và đơn vị sử dụng lao động có nhu cầu tiếp tục sử dụng lao động thì người lao động đó có thể lựa chọn giữa việc nghỉ hưu hoặc tiếp tục làm việc. Tuy nhiên, nếu tiếp tục làm việc thì họ chỉ làm công việc chuyên môn mà không giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Trong cùng một ngành nghề, nếu người lao động làm các công việc khác nhau thì có thể xem xét quy định tuổi nghỉ hưu khác nhau, tùy theo tính chất và yêu cầu của công việc. Ví dụ: giáo viên trung học, giảng viên đại học thuộc nhóm 1; giáo viên mầm non, tiểu học thuộc nhóm 2; giáo sư, giảng viên cao cấp thuộc nhóm 3.

Thứ hai, cần có chế độ lương hưu phù hợp cho nhóm người lao động được nghỉ hưu sớm.

Nếu quy định tuổi nghỉ hưu cho các nhóm đối tượng phù hợp với đặc thù nghề nghiệp thì cần có chế độ lương hưu phù hợp cho nhóm người lao động được nghỉ hưu

sớm (nhóm 2). Bởi lẽ, nhóm lao động này mặc dù có thời gian lao động ít hơn nhóm 1 và nhóm 3 nhưng không phải do yếu tố chủ quan của người lao động mà là do yêu cầu, điều kiện công việc, nơi làm việc nên chế độ lương hưu cũng phải đảm bảo bù đắp cho họ.

4.2.2. Về bảo hiểm xã hội một lần

Khoản Điều 77 Dự thảo Luật quy định về bảo hiểm xã hội một lần:

“1. Người lao động quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật này mà có yêu cầu thì được hưởng bảo hiểm xã hội một lần nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đủ tuổi hưởng lương hưu mà chưa đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội và không tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện;

b) Ra nước ngoài để định cư;

c) Người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng bao gồm ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, phong, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS;

d) Người đang bị mắc những bệnh nguy hiểm đến tính mạng không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản này theo quy định của Bộ Y tế;

Phương án 1:

đ) Người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, sau 12 tháng không thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, không tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội chưa đủ 20 năm.

Phương án 2:

đ) Sau 12 tháng không thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, không tham gia bảo hiểm xã hội

tự nguyện và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội chưa đủ 20 năm mà người lao động có yêu cầu thì được giải quyết một phần nhưng tối đa không quá 50% tổng thời gian đã đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội còn lại được bảo lưu để người lao động tiếp tục tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội.

e) Trường hợp người lao động quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 3 của Luật này khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc mà không thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, không tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và không đủ điều kiện để hưởng lương hưu”.

Trong hai phương án trên, tác giả đề xuất chọn phương án 2 vì như vậy tối ưu hơn cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ. Bởi lẽ:

Theo phương án 1, nếu người lao động rút bảo hiểm xã hội một lần toàn bộ số tiền đã đóng thì khó có thể tham gia bảo hiểm xã hội trở lại, nhất là đối với người đã nhiều tuổi bởi phải bắt đầu lại từ đầu.

Theo phương án 2, nếu người lao động rút một phần tiền đã tích lũy để giải quyết nhu cầu thanh khoản trước mắt, phần còn lại được bảo lưu để người lao động tiếp tục tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội. Như vậy, vẫn giữ cho tương lai và được tiếp tục “bảo hiểm” cũng như để ngỏ cơ hội cho người lao động quay lại tiếp tục đóng góp.

Rõ ràng, phương án 2 tối ưu hơn cho người lao động, trong đó có lao động nữ. Thực tế cho thấy, xét theo khía cạnh giới, số lượng lao động nữ hưởng bảo hiểm xã hội một lần luôn cao hơn lao động nam, thể hiện trong bảng số liệu sau:

Bảng 1. Số liệu về số người hưởng, số tiền hưởng bảo hiểm xã hội một lần giai đoạn 2016-2021

Năm	Số người hưởng bảo hiểm xã hội một lần				Tổng số tiền hưởng bảo hiểm xã hội một lần			
	Tổng số (người)	So sánh với cùng kỳ năm trước	Trong đó		Tổng số (tỷ đồng)	So sánh với cùng kỳ năm trước	Trong đó	
			Nam	Nữ			Nam	Nữ
2016	500.174		222.507	277.667	10.488		5.072	5.416
2017	560.137	11,99%	252.538	307.599	13.926	32,78%	6.808	7.118
2018	666.482	18,99%	306.215	360.267	19.531	40,25%	9.452	10.079
2019	707.184	6,11%	320.709	386.475	24.182	23,81%	11.377	12.805
2020	761.081	7,62%	347.515	413.566	28.463	17,70%	13.176	15.287
2021	863.259	13,43%	384.385	478.874	35.350	24,20%	15.506	19.844

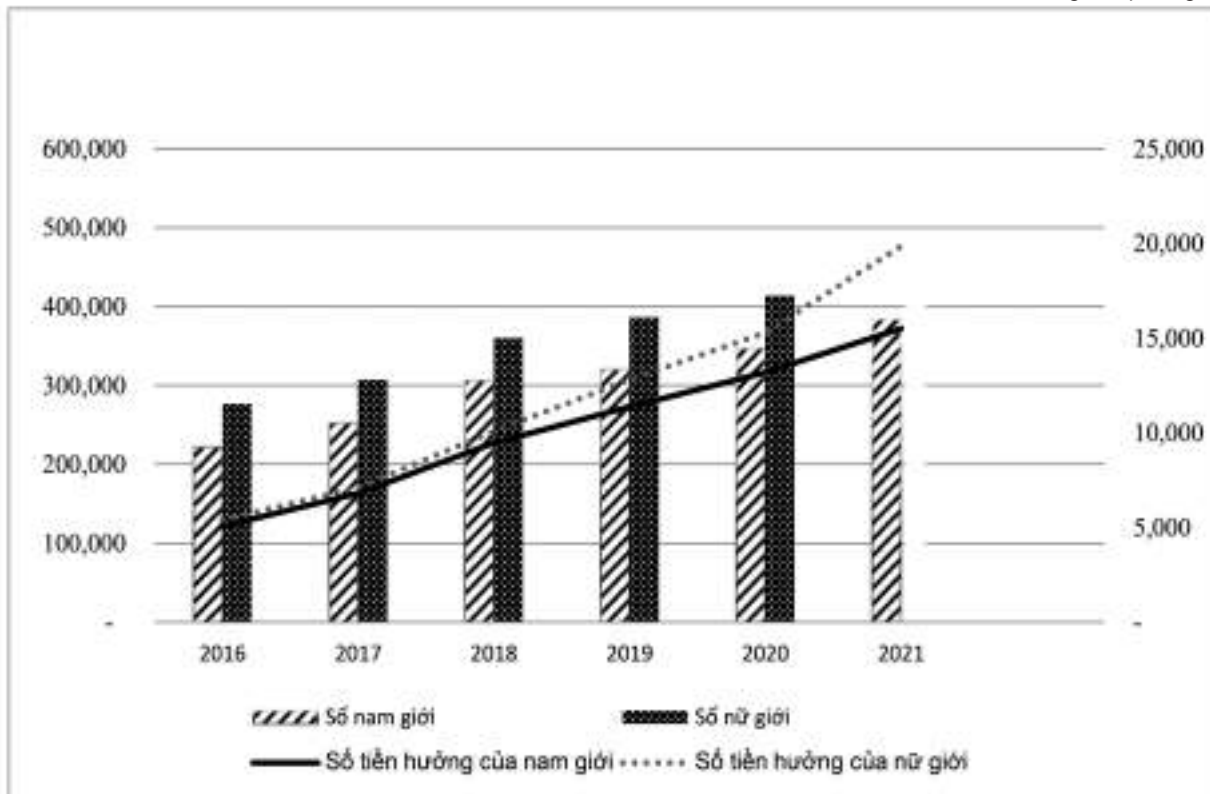
Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2023). Báo cáo tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội khóa 13 về việc thực hiện chính sách hưởng bảo hiểm xã hội một lần đối với người lao động

Như vậy, có thể thấy, kể từ năm 2016 (năm Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 có hiệu lực) cho đến nay, số lao động nữ hưởng bảo hiểm xã hội một lần hàng năm

luôn cao hơn so với lao động nam, đồng thời, số tiền hưởng bảo hiểm xã hội một lần của nữ cũng luôn cao hơn nam.

Hình 1. Số người hưởng và số tiền hưởng bảo hiểm xã hội một lần giai đoạn 2016 - 2021

ĐVT: Người/tỷ đồng



Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2023). Báo cáo tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội khóa 13 về việc thực hiện chính sách hưởng bảo hiểm xã hội một lần đối với người lao động

Qua so sánh thì thấy rằng, khoảng cách về số người hưởng bảo hiểm xã hội một lần và số tiền hưởng bảo hiểm xã hội một lần ngày càng lớn giữa nam và nữ. Vì vậy, áp dụng phương án 2 sẽ tối ưu hơn cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ.

Kết luận

Trợ cấp hưu trí xã hội và chế độ hưu trí là nội dung quan trọng về quyền an sinh xã hội của công dân được quy định trong Hiến năm 2013 và cũng là mục tiêu được đề ra trong Nghị quyết số 28-NQ/TW. Để vừa

đảm bảo an sinh xã hội, vừa đảm bảo bình đẳng giới trong lĩnh vực này thì Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) cần giảm độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hoặc quy định lộ trình giảm độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội. Trong Dự thảo Luật cũng cần quy định cụ thể hơn về tuổi nghỉ hưu của người lao động, đảm bảo hợp lý hơn về khoảng cách tuổi giữa nam và nữ. Đồng thời, có phương án phù hợp cho việc rút bảo hiểm xã hội một lần để đảm bảo cho tương lai của người lao động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2023). *Báo cáo Tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội khóa 13 về việc thực hiện chính sách hưởng bảo hiểm xã hội một lần đối với người lao động*.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2023). *Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong Dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)*.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2023). *Báo cáo v/v tiếp thu, giải trình ý kiến của các Ban, Bộ, ngành, địa phương, chuyên gia, nhà khoa học, người dân về dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)*.
- Chính phủ. (2023). *Tờ trình Dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)*, ngày 31/7/2023.
- Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (phiên bản ngày 28/7/2023).
- Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. (2018). *Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội*.
- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (tập I)*.
- Nga, N.T. (2024). Hoàn thiện một số quy định của Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi). *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật* Kỳ 2 (Số 397), tháng 1/2024.
- Quốc hội. (2013). *Hiến pháp*. Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013.
- Quốc hội. (2014). *Luật Bảo hiểm xã hội*. Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2014.
- Quốc hội. (2006). *Luật Bình đẳng giới*. Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XI thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2006
- Quốc hội. (2015). *Nghị quyết số 50/2022/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022*.
- Quốc hội. (2015). *Nghị quyết số 93/2015/QH13 về việc thực hiện chính sách hưởng bảo hiểm xã hội một lần đối với người lao động*.
- Tổ chức Lao động quốc tế. (1952). *Công ước số 102 về quy phạm tối thiểu về an toàn xã hội*.
- Tổ chức Lao động quốc tế. (2021). *Báo cáo Để Bảo hiểm xã hội phù hợp với cuộc sống của phụ nữ: Đánh giá tác động giới tại Việt Nam*.
- Tổng cục Thống kê. (2021). *Tổng Điều tra dân số năm 2019: Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam*.
- Thuý, N.T.P. (2024). Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chế độ hưu trí ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Công thương*, Số 10 tháng 4 năm 2024.
- Trang, N.T.Q. (2024). Một số ý kiến về quy định chế độ trợ cấp hưu trí xã hội trong Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi). *Tạp chí Quản lý nhà nước - Số 338*.